

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HỆN HẢI HẬU  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2017/HNGĐ-ST

Ngày 12-9-2017

V/v: “Ly hôn giữa chị H và anh  
H”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Văn Tùng .

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đỗ Việt Hg

Bà Trần Thị Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Hải Hậu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Huyện HH, tỉnh Nam Định.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Minh H, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Huyện HH, tỉnh Nam Định.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Phạm Thúy H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Huyện HH, tỉnh Nam Định.

**Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Vũ Hữu H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Huyện HH là người đại diện theo uỷ quyền của bà H ( văn bản uỷ quyền ngày 13 tháng 6 năm 2017).

**- Người làm chứng:** - Ông Phạm Văn Hg, sinh năm 1961

+ Bà Vũ Thị Nh, sinh năm 1965

+ Ông Phạm Văn H', sinh năm 1965

+ Bà Đặng Thị X, sinh năm 1971

+ Chị Phạm Thị N, sinh năm 1983

+ Anh Phạm Thành G, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Hện HH, tỉnh Nam Định

+ Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm 18, xã HA, huyện HH, tỉnh Nam Định

+ Chị Phạm Thị M, sinh năm 1987

Địa chỉ: 1/4G, đường 18B, phường BHH, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt chị Phạm Thị H, ông H, ông Hg, bà Nh, chị N, anh G, chị T, chị M vắng mặt anh H, ông H', bà X không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H kết hôn với anh Vũ Minh H trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-01-2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn YĐ, Hện HH, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh H ở tổ dân phố số 4, thị trấn YĐ, Hện HH, tỉnh Nam Định, chị H làm nhân viên hỗ trợ kinh doanh tài chính của công ty Home credit Việt Nam chi nhánh tại Hải Hậu và siêu thị điện máy xanh Hải Hậu, còn anh H ở nhà sửa chữa đồng hồ và điện thoại di động cùng bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống với nhau mới được mấy ngày đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau vợ chồng có xảy ra xô sát, đánh cãi chửi nhau. Sau khi cưới được 35 ngày chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 28 tháng 3 năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ được hơn năm tháng. Nay chị H xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, mâu thuẫn đã đến mức căng thẳng trầm trọng, chung sống với anh H không có tương lai nên chị H vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Bị đơn anh Vũ Minh H trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng anh sống ly thân đúng như chị Phạm Thị H đã trình bày. Sau khi cưới được 2 tuần chị H đã yêu cầu gia đình anh H phải bàn giao lại cửa hàng để chị H quản lý nhưng anh H và gia đình không đồng ý, chị H cương quyết đi làm chỗ khác. Trong quá trình chung sống chị H nói không có tình cảm với anh H, kết hôn với anh H là do gia đình ép buộc. Nay chị H xin ly hôn anh H không đồng ý ly hôn vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh mong chị H rút đơn về chung sống đoàn tụ với anh.

Về quan hệ nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H đều trình bày thống nhất. Vợ chồng anh, chị chưa có con chung mới chung sống với nhau có 35 ngày.

Về quan hệ chia tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H đều trình bày thống nhất hiện nay vợ chồng anh, chị không có tài sản gì chung. Vợ chồng anh, chị không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ.

Chị Phạm Thị H trình bày về tài sản riêng: Khi chị kết hôn với anh H tại đám cưới, chị và anh H được bố mẹ, anh em, họ hàng và bạn bè tặng cho 50 chỉ vàng 24K 9999 và 42.300.000đ. Trong đó của riêng chị được bố mẹ đẻ và anh em ruột, họ hàng và bạn bè tặng cho số vàng 26,5 chỉ vàng 24k 9999 và 14.000.000đ (mười bốn triệu việt nam đồng). Tất cả số vàng và tiền nói trên, ngay hôm sau đám cưới chị H và anh H đã đưa gửi bà Phạm Thúy H giữ hộ. Khi ly hôn chị đề nghị bà Phạm Thúy H trao trả lại chị số vàng và tiền của riêng chị nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thúy H và ông Vũ Hữu H là người đại diện theo ủy quyền của bà H đều trình bày: Số vàng 18 chỉ và số tiền 12.200.000đ là quà mừng cưới của anh H và chị H trong ngày hôn lễ mà có. Anh H và chị H đã tự nguyện đưa cho vợ chồng bà Phạm Thúy H và ông Vũ Hữu H để trang trải đám cưới. Khi đưa vàng tiền cho bà Phạm Thúy H, anh H và chị H không nói số lượng là bao nhiêu mà chị H chỉ nói: “Con cảm ơn bố mẹ đã tổ chức đám cưới cho chúng con rất to, rất tốn kém đây là tiền mừng và quà mừng cưới của vợ chồng con, con gửi bố mẹ để bố mẹ trang trải đám cưới cho vợ chồng con” nên vợ chồng ông H, bà H đã đưa số tiền và số vàng nhập vào tài sản chung của gia đình để chi tiêu đám cưới cho anh H và chị H. Nay chị H đơn phương xin ly hôn mọi trang trải đám cưới chị H phải chịu nên vợ chồng bà H, ông H không nhất chí trả lại số vàng, tiền mà chị H yêu cầu. Mọi vấn đề liên quan đến kinh tế, ông H đề nghị để hai gia đình sẽ tự ngồi lại thỏa thuận, bàn bạc với nhau, phần chi phí cho chị H và gia đình ông Hg bao nhiêu thì chị H và gia đình ông Hg phải chịu. Ông H đề nghị Tòa án tách phần tiền, vàng mừng cưới của anh H và chị H ra giải quyết bằng một vụ án khác nếu hai gia đình không tự thỏa thuận được. Đến nay chị H yêu cầu bà Phạm Thúy H trả lại số vàng, tiền nêu trên là không có căn cứ, không có bằng chứng.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị Phạm Thị H, ông Vũ Hữu H vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Anh Vũ Minh H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73 BLTTDS. Bị đơn không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải số, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H. Đối với số tiền 12.200.000đ và số vàng 18 chỉ 24 K 9999 là số tặng phẩm chung của vợ chồng chị H, anh H đã được bà Phạm Thúy H công nhận là đang do bà H giữ, được xác định là tài sản chung của chị H và anh H. Theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 164, 166, 556, 557, 559 Bộ luật dân sự năm 2015 cần buộc bà Phạm Thúy H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 6.100.000đ và 09 chỉ vàng 24 K 9999 là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Minh H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng, anh H đã có bản tự khai nộp cho Tòa án nhưng anh H không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không đến tham gia phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-01-2017 tại UBND thị trấn YĐ, Hện HH, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Qua xem xét toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa hôm nay. Xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp nhau, vợ chồng có xảy ra xô sát đánh cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, sinh lý và trách nhiệm với nhau từ ngày 28-3-2017 cho đến nay được hơn 5 tháng.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không cần đề cập giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Mặc dù vợ chồng chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H đều trình bày, hiện nay vợ chồng anh, chị không có tài sản gì chung, nhưng xét thấy số tiền 12.200.000đ và số vàng 18 chỉ 24 K 9999 mà bà Phạm Thúy H công nhận vợ chồng chị H, anh H đem gửi bà sau ngày cưới. Xét thấy đây là tài sản

được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng anh H và chị H nên mỗi người được sở hữu, sử dụng một nửa là phù hợp với Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 213; 219 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Về công nợ: Vợ chồng chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H đều trình bày: Hiện nay vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi giải quyết ly hôn về quan hệ công nợ của chị H, anh H không có gì, Tòa án không cần đề cập giải quyết.

[8] Xét yêu cầu của chị Phạm Thị H đòi lại số tặng phẩm của riêng chị được tặng trong ngày cưới đang gửi bà Phạm Thúy H giữ hộ thì thấy: Chị Phạm Thị H và vợ chồng ông Vũ Hữu H và bà Phạm Thúy H đều công nhận trong ngày tổ chức hôn lễ, vợ chồng anh H và chị H được bố mẹ, anh em, họ hàng và bạn bè hai bên tặng cho một số vàng và một số tiền, nhưng đến nay các đương sự không thống nhất được số lượng là bao nhiêu, chị Phạm Thị H thì cho rằng vợ chồng chị được tặng cho tổng cộng 50 chỉ vàng 24K 9999 và 42.300.000đ. Trong đó của riêng chị được bố mẹ đẻ và anh em ruột, họ hàng và bạn bè tặng cho số vàng 26,5 chỉ vàng 24k 9999 và 14.000.000đ (mười bốn triệu việt nam đồng). Đến nay vợ chồng ông H và bà Phạm Thúy H công nhận sau đám cưới vợ chồng anh H, chị H có đưa cho vợ chồng ông H, bà H 18 chỉ vàng 24 K 9999 và 12.200.000đ để trang trải đám cưới nhưng lại cho rằng số vàng 18 chỉ là của riêng gia đình và anh em họ hàng anh H tặng cho vợ chồng anh, chị. Bản thân chị H đã có một số tài liệu chứng cứ giao nộp cho Tòa án như một số bản ảnh, đĩa ghi hình, đĩa ghi âm để chứng minh chị đã được bố mẹ đẻ, anh em, họ hàng và bạn bè của chị tặng cho chị một số tiền, vàng, tại phiên tòa một số người làm chứng cũng khẳng định đã tặng cho chị H số vàng trong ngày cưới đúng với nội dung của đĩa ghi hình. Đến nay vợ chồng ông H và bà H cho rằng số tiền, vàng vợ chồng anh H, chị H đưa cho đã trang trải cho đám cưới là không có cơ sở. Bởi vì, tại đĩa ghi âm bà Phạm Thúy H có nói với chị H với nội dung: “Con gửi mẹ nếu như bình thường các con không xảy ra chuyện va chạm nhau, con hỏi mẹ, mẹ đưa cho con ngay, mẹ giữ của con bằng nào mẹ trả con bằng ấy, mẹ không nói là mẹ sẽ không trả, con gửi mẹ ở đâu, gửi bằng nào, số tiền bằng nào mẹ sẽ trả đúng như vậy, con và H không xảy ra vấn đề gì bất kể lúc nào con hỏi mẹ đưa cho con”. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Phạm Thị H là có cơ sở chấp nhận một phần. Bởi lẽ, số tiền mừng cưới và số vàng mừng cưới của vợ chồng anh H và chị H không phải là tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân, đây là số tiền, vàng do bố mẹ, anh em ruột, họ hàng và bạn bè tặng cho mà có để tạo ra một số vốn ban đầu thuận lợi cho sự khởi đầu cuộc sống chung của vợ chồng, vợ chồng anh H, chị H vẫn chưa sử dụng đến số tiền, vàng này nên

cần buộc bà Phạm Thúy H phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H một nửa số vàng, tiền mà vợ chồng ông H, bà H đã công nhận là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với Điều 164, 166, 556, 557, 559 Bộ luật dân sự năm 2015. Giá vàng mua vào ngày 12 tháng 9 năm 2017 là 3.547.800đ/ một chỉ 24 K 9999.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H và bà Phạm Thúy H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 164; 166; 556; 557; 559 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147; 213; 219 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Vũ Minh H.

2. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đòi lại tài giữa chị Phạm Thị H với bà Phạm Thúy H là hợp pháp.

3. Buộc bà Phạm Thúy H phải có trách nhiệm trả lại chị Phạm Thị H 09 (chín) chỉ vàng 24 K 9999 và 6.100.000đ (sáu triệu một trăm nghìn đồng).

4. Án phí: - Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 08950 ngày 09-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Hải Hậu, chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Phạm Thị H số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) tại biên lai thu số 09037 ngày 14-8-2017 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Hải Hậu.

- Bà Phạm Thúy H phải nộp 1.901.000đ (một triệu chín trăm linh một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có

lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+Hện: (2 bản);
- Chi cục THADS Hện: (1 bản);
- UBND thị trấn Yên Định: (1 bản);
- Cấp cho đương sự: (3 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

**Lại Văn Tùng**